

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 24/11/2021

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0054	SV5728585	Lê Quang	Phú	29/04/1999		
2	TA0055	SV5728586	Hoàng Minh	Phương	29/12/1999		
3	TA0056	SV5728587	Lê Hoàng	Chiến	07/06/1999		
4	TA0057	SV5728588	Quách Ngọc	Lân	05/04/1999		
5	TA0058	SV5728589	Đặng Quang	Chiến	01/11/1999		
6	TA0059	SV5728590	Phan	Anh	25/10/1999		
7	TA0060	SV5728591	Trần Hữu	Thom	20/12/1999		
8	TA0061	SV5728592	Lê Anh	Đức	29/07/1999		
9	TA0062	SV5728593	Phí Thị Thu	Thúy	15/05/1999		
10	TA0063	SV5728594	Nguyễn Thị Lan	Chinh	14/06/1999		
11	TA0064	SV5728595	Nguyễn Hải	Yến	03/02/1999		
12	TA0065	SV5728596	Vũ Thị	Thảo	05/01/1999		
13	TA0066	SV5728597	Nguyễn Thị	Mai	08/09/1999		
14	TA0067	SV5728598	Nguyễn Thị	Thu Hà	11/08/1999		
15	TA0068	SV5728599	Nguyễn Văn	Nhật	21/05/1999		
16	TA0069	SV5728600	Nguyễn Thị Thu	Trang	06/01/1999		
17	TA0070	SV5728601	Nguyễn Huyền	Trang	03/11/1999		
18	TA0071	SV5728602	Phạm Tiến	Đạt	03/10/1999		
19	TA0072	SV5728603	Lê Trang	Thu	09/04/1999		
20	TA0073	SV5728604	Phan Đình	Huy	23/04/1999		
21	TA0074	SV5728605	Nguyễn Đức	Hoàn	08/09/1999		
22	TA0075	SV5728606	Bùi Văn Dũng	Dũng	10/08/1999		
23	TA0076	SV5728607	Lê Thị Thủy	Tiên	11/06/1998		
24	TA0077	SV5728608	Trần Thị Thúy	Hằng	19/02/1998		
25	TA0078	SV5728609	Nguyễn Thị Thanh	Vân	23/06/1999		
26	TA0079	SV5728610	Đào Ngọc	Thức	27/07/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
----	-----	---------------------------	----	-----	----------	--------	---------

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)